

Họ, tên:.....Số báo danh:..... **Mã đề thi 401**

## NỘI DUNG ĐỀ

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 05 trang giấy)

**Câu 1:** Khi nói về quá trình phiên mã, phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Enzim xúc tác cho quá trình phiên mã là ADN pôlimeraza.
- B. Trong quá trình phiên mã có sự tham gia của ribôxôm.
- C. Trong quá trình phiên mã, enzim ARN polimera trượt trên mạch khuôn theo chiều 3' → 5'.
- D. Quá trình phiên mã diễn ra theo nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bán bảo tồn.

**Câu 2:** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, một alen có lợi cũng có thể bị loại bỏ hoàn toàn khỏi quần thể bởi tác động của nhân tố tiến hóa nào sau đây?

- A. Giao phối không ngẫu nhiên.
- B. Chọn lọc tự nhiên.
- C. Đột biến.
- D. Các yếu tố ngẫu nhiên.

**Câu 3:** Phương pháp nào sau đây có thể tạo ra được nhiều con bò sữa có kiểu gen giống nhau trong thời gian ngắn?

- A. Lai tế bào sinh dưỡng.
- B. Gây đột biến nhân tạo.
- C. Nhân bản vô tính.
- D. Cây truyền phôi.

**Câu 4:** Giai đoạn nào chung cho quá trình phân giải kị khí và phân giải hiếu khí ?

- A. Chuỗi chuyền điện tử electron.
- B. Đường phân.
- C. Chu trình Crep.
- D. Tổng hợp axetyl – CoA.

**Câu 5:** Phát biểu nào dưới đây về tiêu hóa ở người là sai?

- A. Tiêu hóa ở người là tiêu hóa nội bào.
- B. Ở người có dạ dày đơn.
- C. Thực quản chỉ có tiêu hóa cơ học.
- D. Ở miệng có tiêu hóa hóa học và cơ học.

**Câu 6:** Số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể được gọi là

- A. mật độ cá thể của quần thể.
- B. kiểu phân bố của quần thể.
- C. kích thước tối đa của quần thể.
- D. kích thước tối thiểu của quần thể.

**Câu 7:** Một loài thực vật có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội là 24 nhiễm sắc thể. Cây tam bội được phát sinh từ loài này có số nhiễm sắc thể là

- A. 23.
- B. 36.
- C. 25.
- D. 48.

**Câu 8:** Để tiến hành chiết rút diệp lục và carôtenôit người ta dùng hóa chất nào sau đây?

- A. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>.
- B. Cồn 90°-96°.
- C. NaCl.
- D. Nước cất.

**Câu 9:** Cây tỏi tiết chất gây ức chế hoạt động của vi sinh vật ở xung quanh là ví dụ về quan hệ

- A. hội sinh.
- B. cạnh tranh.
- C. hợp tác.
- D. ức chế - cảm nhiễm.

**Câu 10:** Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô → Sâu ăn lá ngô → Nhái → Rắn hổ mang → Diều hâu.

Trong chuỗi thức ăn này, loài nào thuộc bậc dinh dưỡng cấp cao nhất?

- A. Cây ngô.
- B. Nhái.
- C. Diều hâu.
- D. Sâu ăn lá ngô.

**Câu 11:** Trong chu trình cacbon, CO<sub>2</sub> từ môi trường đi vào quần xã sinh vật thông qua hoạt động của nhóm sinh vật nào sau đây?

- A. Sinh vật tiêu thụ bậc 2.
- B. Sinh vật tiêu thụ bậc 1.
- C. Sinh vật tiêu thụ bậc 3.
- D. Sinh vật sản xuất.

**Câu 12:** Tập hợp các hệ sinh thái có chung đặc điểm địa lí, khí hậu, thổ nhưỡng gọi là:

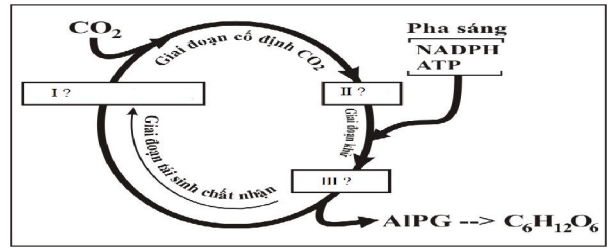
- A. Biôm hay khu sinh học.
- B. Siêu hệ sinh thái
- C. Đới.
- D. Sinh quyển.

**Câu 13:** Nhóm động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn chỉ thực hiện chức năng vận chuyển chất dinh dưỡng mà không vận chuyển khí?

- A. Côn trùng.                      B. Chim.                      C. Lưỡng cư.                      D. Bò sát.

**Câu 14:** Sơ đồ dưới đây mô tả pha tối của quá trình quang hợp ở thực vật C3. Chú thích I, II, III trong sơ đồ lần lượt là

- A. Ribulozo – 1,5-diP; APG; AIPG.  
 B. PEP; APG; AIPG.  
 C. Ribulozo – 1,5-diP; PEP; AIPG.  
 D. Ribulozo – 1,5-diP; AIPG; APG.



**Câu 15:** Xét các trường hợp dưới đây cho thấy trường hợp nào rễ cây hấp thụ ion  $Mg^{2+}$  cần phải tiêu tốn năng lượng ATP?

Trường hợp	Nồng độ ion $Mg^{2+}$ ở rễ	Nồng độ ion $Mg^{2+}$ ở đất
I	0,2%	0,5%
II	0,3%	0,4%
III	0,4%	0,6%
IV	0,5%	0,2%

- A. II.                      B. I.                      C. III.                      D. IV.

**Câu 16:** Cây thiếu các nguyên tố khoáng thường được biểu hiện ra thành

- A. những dấu hiệu màu sắc đặc trưng ở thân và sự biến dạng của lá.  
 B. những dấu hiệu màu sắc đặc trưng ở rễ và sự biến dạng của thân.  
 C. những dấu hiệu màu sắc đặc trưng ở lá và sự biến dạng của lá.  
 D. những dấu hiệu màu sắc đặc trưng ở hoa và sự biến dạng của cành hoa.

**Câu 17:** Sắp xếp theo thứ tự các loài động vật có nhịp tim tăng dần:

- A. Voi → Bò → Chuột → Lợn.                      B. Voi → Bò → Lợn → Chuột.  
 C. Lợn → Bò → Voi → Chuột.                      D. Chuột → Lợn → Bò → Voi.

**Câu 18:** Quá trình thoát hơi nước qua lá có bao nhiêu vai trò dưới đây ?

- I. vận chuyển nước, ion khoáng từ rễ lên theo dòng mạch gỗ.  
 II. giúp cho  $CO_2$  khuếch tán vào lá cho quá trình quang hợp.  
 III. hạ nhiệt độ cho lá (làm mát lá).  
 IV. cung cấp năng lượng cho lá.

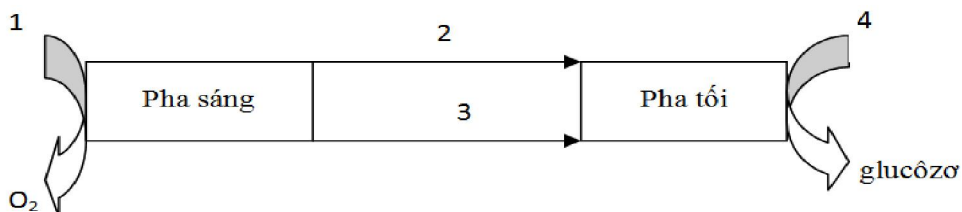
- A. 2.                      B. 1.                      C. 3.                      D. 4.

**Câu 19:** Khi nói về đột biến gen, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Đột biến gen là những biến đổi trong cấu trúc của gen.  
 II. Đột biến gen có thể có lợi, có hại hoặc trung tính đối với thể đột biến.  
 III. Đột biến gen có thể làm xuất hiện alen mới trong quần thể.  
 IV. Đột biến gen là nguồn nguyên liệu sơ cấp cho tiến hóa và chọn giống.

- A. 3.                      B. 1.                      C. 4.                      D. 2.

**Câu 20:** Cho sơ đồ mô tả tóm tắt mối quan hệ giữa pha sáng và pha tối trong quang hợp như sơ đồ dưới đây. Hãy cho biết, các số tương ứng 1, 2, 3, 4 sẽ là:



- A.  $CO_2$ , ATP, NADPH,  $H_2O$ .                      B.  $H_2O$ , ATP, NADPH,  $CO_2$ .  
 C.  $CO_2$ , ATP, NADPH, RiDP.                      D.  $H^+$ , ATP, NADPH,  $CO_2$ .

**Câu 21:** Một gen ở sinh vật nhân thực dài 408 nm và gồm 3200 liên kết hiđrô. Gen này bị đột biến thay thế một cặp A - T bằng một cặp G - X. Số nuclêôtit loại timin (T) và guanin (G) của gen sau đột biến là:

- A. T = 801; G = 399.                      B. T = 401; G = 799.                      C. T = 799; G = 401.                      D. T = 399; G = 801.

**Câu 22:** Nuôi cấy các hạt phấn của một cây có kiểu gen AaBbDDee để tạo nên các mô đơn bội. Sau đó xử lí các mô đơn bội này bằng cônsixin để gây lưỡng bội hoá, thu được 100 cây lưỡng bội. Cho biết không xảy ra đột biến gen và đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể. Theo lí thuyết, khi nói về 100 cây này, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Các cây này có tối đa 16 loại kiểu gen.
- B. Các cây này có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các cặp gen trong tế bào.
- C. Trong các cây này, có cây mang kiểu gen AAbbDDee.
- D. Các cây này đều thuần chủng, mỗi cây giảm phân bình thường chỉ cho 1 loại giao tử.

**Câu 23:** Ở đậu Hà Lan, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Hai cặp gen này phân li độc lập. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Ở loài này có tối đa 4 loại kiểu gen quy định kiểu hình thân cao, hoa đỏ.
- II. Cho một cây thân cao, hoa trắng tự thụ phấn, có thể thu được đời con có số cây thân cao, hoa trắng chiếm 75%.
- III. Cho một cây thân cao, hoa đỏ tự thụ phấn, nếu thu được đời con có 4 loại kiểu hình thì số cây thân cao, hoa trắng ở đời con chiếm 18,75%.
- IV. Cho một cây thân cao, hoa đỏ giao phấn với cây có kiểu gen đồng hợp tử lặn, có thể thu được đời con có 2 loại kiểu hình.

- A. 2.                                  B. 1.                                  C. 4.                                  D. 3.

**Câu 24:** Một cơ thể P có kiểu gen  $\frac{Ab}{aB} \frac{CD}{cd}$ . Biết rằng không có đột biến xảy ra, trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào dưới đây **đúng**?

- A. Cá thể trên tự thụ phấn, đời con có tối đa 81 kiểu gen.
- B. Nếu P tự thụ phấn cho được đời con có tỉ lệ kiểu gen đồng hợp lặn về các gen là 0,81% thì P đã xảy ra hoán vị với tần số 18%.
- C. P cho tối đa 16 loại giao tử.
- D. Gen loại A (gồm alen A và alen a) không thể xảy ra tương tác gen với gen loại C.

**Câu 25:** Một quần thể thực vật tự thụ phấn, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng, alen B quy định thân cao trội hoàn toàn so với b thân thấp. Hai cặp gen này cùng nằm trên 1 cặp NST và liên kết hoàn toàn. Quần thể ban đầu có cấu trúc di truyền: 0,3Ab/ab : 0,3Ab/aB : 0,4ab/ab. Biết rằng các cá thể có kiểu hình hoa trắng, thân thấp không có khả năng sinh sản. Theo lí thuyết, sau 1 thế hệ tỉ lệ cây hoa trắng, thân cao là:

- A. 12,5%.                                  B. 50%.                                  C. 25%.                                  D. 37,5%.

**Câu 26:** Sau khi học xong bài tuần hoàn máu ở người, một bạn học sinh lập bảng so sánh 3 đặc điểm (I, II, III) dưới đây.

Đặc điểm	Động mạch chủ	Mao mạch	Tĩnh mạch chủ
I. Tổng tiết diện các đoạn mạch (S)	- <i>Nhỏ nhất</i>	- <i>Nhỏ</i>	- <i>Lớn nhất</i>
II. Vận tốc máu	- <i>Lớn nhất</i>	- <i>Nhỏ nhất</i>	- <i>Lớn</i>
III. Huyết áp	- <i>Cao nhất</i>	- <i>Nhỏ nhất</i>	- <i>Nhỏ</i>

- Đặc điểm nào bạn đã so sánh **đúng**?
- A. II.                                  B. I, III.                                  C. II, III.                                  D. I, II.

**Câu 27:** Khi nói về opêron Lac ở vi khuẩn E.coli, phát biểu sau đây **đúng**?

- A. Vùng vận hành (O) là nơi ARN pôlimeraza bám vào và khởi đầu phiên mã.
- B. Gen điều hòa (R) nằm trong thành phần của opêron Lac.
- C. Khi môi trường không có lactôzơ thì gen điều hòa (R) không phiên mã.
- D. Khi gen cấu trúc A và gen cấu trúc Z đều phiên mã 2 lần thì gen cấu trúc Y cũng phiên mã 2 lần.

**Câu 28:** Khi nói về kích thước của quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Kích thước quần thể thường dao động từ giá trị tối thiểu tới giá trị tối đa.
- B. Các quần thể cùng loài luôn có kích thước quần thể giống nhau.
- C. Nếu kích thước quần thể vượt quá mức tối đa thì cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể tăng cao.
- D. Nếu kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu, quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.

**Câu 29:** Một quần thể gia súc đang ở trạng thái cân bằng di truyền có 84% số cá thể lông vàng, các cá thể còn lại có lông đen. Biết A quy định lông vàng là trội hoàn toàn so với alen a quy định lông đen. Cho các con lông vàng tạp giao thu được đời F<sub>1</sub>. Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu **đúng**?

- I. Tần số alen A và a lần lượt bằng 0,6 và 0,4.
  - II. Đời F<sub>1</sub> xuất hiện 2 loại kiểu hình, 3 loại kiểu gen.
  - III. Tỷ lệ kiểu gen dị hợp ở đời F<sub>1</sub> bằng: 20/49.
  - IV. Chọn 2 con lông vàng đời F<sub>1</sub>, xác suất chọn được 1 con lông vàng thuần chủng là 20/81.
- A. 1.                                      B. 2.                                      C. 3.                                      D. 4.

**Câu 30:** Giả sử 6 tế bào sinh tinh của cơ thể có kiểu gen  $\frac{Ad}{aD}$  tiến hành giảm phân bình thường.

Theo lý thuyết, phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Nếu cả 6 tế bào đều xảy ra hoán vị gen thì loại giao tử ad chiếm 1/4.
- B. Nếu có 2 tế bào xảy ra hoán vị gen thì loại giao tử AD chiếm 1/24.
- C. Nếu chỉ có 3 tế bào xảy ra hoán vị gen thì sẽ tạo ra 4 loại giao tử với tỉ lệ 5:5:3:1.
- D. Nếu chỉ có 4 tế bào xảy ra hoán vị gen thì sẽ tạo ra 4 loại giao tử với tỉ lệ 4:4:1:2.

**Câu 31:** Ta có:

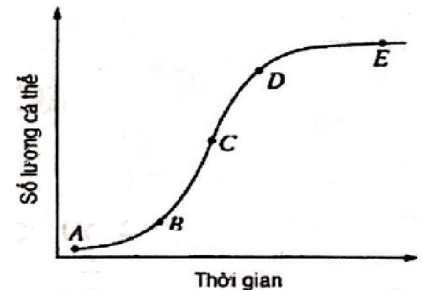
Kiểu gen 1	→	Môi trường 1	→	kiểu hình: 1
Kiểu gen 1	→	Môi trường 2	→	kiểu hình: 2
Kiểu gen 1	→	Môi trường 3	→	kiểu hình: 3
.....				
Kiểu gen 1	→	Môi trường n	→	kiểu hình: n

Tập hợp các kiểu hình 1, 2, 3, ..., n của kiểu gen 1 trong các môi trường 1, 2, 3, ..., n được gọi là

- A. mức phản ứng.                      B. thường biến.                      C. đột biến.                      D. biến dị tổ hợp.

**Câu 32:** Đường cong tăng trưởng của một quần thể sinh vật được biểu diễn ở hình. Phân tích hình, hãy cho biết phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Sự tăng trưởng của quần thể này không bị giới hạn bởi các điều kiện môi trường.
- B. Đây là đường cong tăng trưởng theo tiềm năng sinh học của quần thể.
- C. Tốc độ tăng trưởng của quần thể tại điểm E cao hơn tốc độ tăng trưởng của quần thể tại điểm D.
- D. Trong các điểm trên đồ thị, tại điểm C quần thể có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.



**Câu 33:** Thực hiện phép lai P ♀  $\frac{AB}{ab}X^DX^d \times \text{♂} \frac{Ab}{ab}X^DY$ , thu được F<sub>1</sub>. Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn và không xảy ra đột biến. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. F<sub>1</sub> có tối đa 40 loại kiểu gen.
  - II. Nếu tần số hoán vị gen là 20% thì F<sub>1</sub> có 33,75% số cá thể mang kiểu hình trội về cả 3 tính trạng.
  - III. Nếu F<sub>1</sub> có 3,75% số cá thể mang kiểu hình lặn về cả 3 tính trạng thì P đã xảy ra hoán vị gen với tần số 40%.
  - IV. Nếu không xảy ra hoán vị gen thì F<sub>1</sub> có 31,25% số cá thể mang kiểu hình trội về 2 trong 3 tính trạng.
- A. 2.                                      B. 3.                                      C. 1.                                      D. 4.

**Câu 34:** Một quần thể thực vật, kiểu gen AA quy định hoa đỏ, kiểu gen Aa hoa hồng, kiểu gen aa quy định hoa trắng. Thế hệ xuất phát (P) của quần thể này có 500AA : 400Aa : 100aa. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Nếu quần thể này giao phấn ngẫu nhiên thì thành phần kiểu gen F<sub>1</sub> ở là 0,36AA : 0,48Aa : 0,16aa .
  - II. Nếu cho tất cả các cây hoa đỏ và hoa hồng ở P giao phấn ngẫu nhiên thì được F<sub>1</sub> có 91% số cây hoa đỏ.
  - III. Nếu cho tất cả các cây hoa đỏ và hoa hồng ở P tự thụ phấn thì thu được F<sub>1</sub> có 1/9 số cây hoa trắng.
  - IV. Nếu quần thể này tự thụ phấn thì thành phần kiểu gen ở F<sub>1</sub> là 0,6 AA : 0,2 Aa : 0,2 aa.
- A. 1.                                      B. 3.                                      C. 2.                                      D. 4.

**Câu 35:** Một quần thể thực vật tứ bội (P) có cấu trúc di truyền: 0,1 AAAA : 0,2 AAAa : 0,4 AAaa : 0,2 Aaaa : 0,1 aaaa. Cho quần thể này ngẫu phối, biết rằng cây tứ bội giảm phân chỉ sinh ra giao tử lưỡng bội có khả năng thụ tinh. Tính theo lý thuyết, kiểu gen AAaa ở F<sub>1</sub> chiếm tỉ lệ.

- A. 3/13.                                      B. 9/50.                                      C. 18/25.                                      D. 9/25.

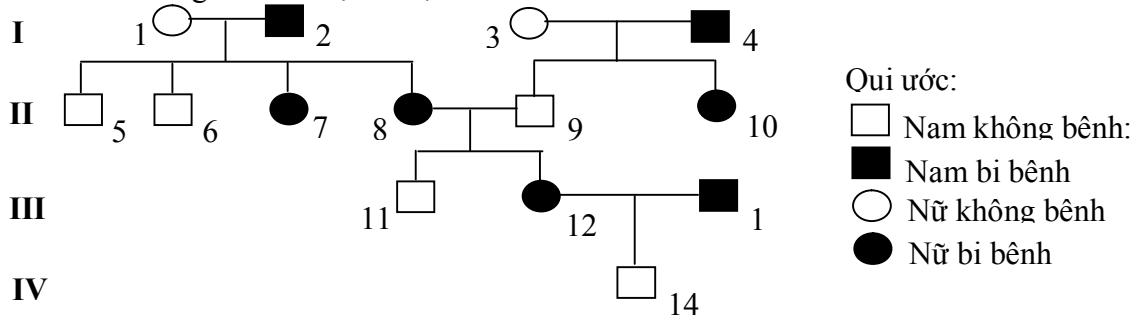
**Câu 36:** Ở một loài hoa, lai cây hoa đỏ dị hợp về 2 cặp gen với cây hoa trắng đồng hợp lặn về 2 cặp gen này, thu được  $F_a$  phân li tỉ lệ kiểu hình 3 cây hoa trắng: 1 cây hoa đỏ. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây là **đúng**?

- I. Nếu cho  $F_a$  giao phấn ngẫu nhiên thì đời con thu được tỉ lệ kiểu hình hoa đỏ là  $9/128$ .
  - II. Nếu cho những cây hoa trắng đời  $F_a$  giao phấn thì thu được tỉ lệ 17 cây hoa trắng: 1 cây hoa đỏ.
  - III. Nếu cho cây hoa đỏ đời  $F_a$  tự thụ phấn thì đời con xuất hiện 9 kiểu gen.
  - IV. Nếu lấy từng cây hoa trắng đời  $F_a$  tự thụ phấn thì thu được toàn cây hoa trắng.
- A. 4.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 1

**Câu 37:** Ở một loài động vật, xét một gen có hai alen nằm ở vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X; alen A quy định vảy đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định vảy trắng. Cho con cái vảy trắng lai với con đực vảy đỏ thuần chủng (P), thu được  $F_1$  toàn con vảy đỏ. Cho  $F_1$  giao phối với nhau, thu được  $F_2$  có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3 con vảy đỏ : 1 con vảy trắng, tất cả các con vảy trắng đều là con cái. Biết rằng không xảy ra đột biến, sự biểu hiện của gen không phụ thuộc vào điều kiện môi trường. Dựa vào các kết quả trên, dự đoán nào sau đây **đúng**?

- A. Nếu cho  $F_2$  giao phối ngẫu nhiên thì ở  $F_3$  các con cái vảy trắng chiếm tỉ lệ 25%.
- B.  $F_2$  có tỉ lệ phân li kiểu gen là 1 : 2 : 1.
- C. Nếu cho  $F_2$  giao phối ngẫu nhiên thì ở  $F_3$  các con cái vảy đỏ chiếm tỉ lệ 12,5%.
- D. Nếu cho  $F_2$  giao phối ngẫu nhiên thì ở  $F_3$  các con đực vảy đỏ chiếm tỉ lệ 43,75%.

**Câu 38:** Cho sơ đồ phả hệ mô tả sự di truyền một bệnh ở người do một trong hai alen của một gen quy định trên nhiễm sắc thể thường và alen trội là trội hoàn toàn.



Có bao nhiêu nhận định sau đây **đúng**?

- I. Có thể xác định chính xác kiểu gen của tất cả những người trong phả hệ.
  - II. Cặp vợ chồng ở thế hệ III sinh người con thứ hai là con gái không bị bệnh với xác suất 12,5%.
  - III. Người số 14 có kiểu gen đồng hợp trội.
  - IV. Người số 7 và 8 có kiểu gen không giống nhau.
- A. 1.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 4.

**Câu 39:** Cho phép lai (P) ở một loài động vật: ♀  $\frac{AB}{ab} DdX^E X^e \times \frac{Ab}{aB} DdX^E Y$ , thu được  $F_1$ . Biết rằng mỗi gen qui định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn và không xảy ra đột biến, con đực không xảy ra hoán vị gen. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng** với  $F_1$ ?

- I. Có 12 loại kiểu hình.
  - II. Nếu con cái hoán vị gen với tần số 20% thì tỉ lệ kiểu hình mang 4 tính trạng trội là  $9/32$ .
  - III. Nếu con cái hoán vị gen với tần số 10% thì tỉ lệ kiểu hình ít nhất 1 tính trạng lặn là  $23/32$ .
  - IV. Nếu (P) không xảy ra hoán vị gen thì đời con có 36 loại kiểu gen.
- A. 2.                      B. 1.                      C. 3.                      D. 4.

**Câu 40:** Một loại tính trạng, chiều cao cây do 2 cặp gen A, a và B, b cùng quy định; màu hoa do cặp gen D, d quy định. Cho cây P tự thụ phấn, thu được  $F_1$  có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 6 cây thân cao, hoa vàng : 6 cây thân thấp, hoa vàng : 3 cây thân cao, hoa trắng : 1 cây thân thấp, hoa trắng. Biết rằng không xảy ra đột biến và không có hoán vị gen. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Cây P dị hợp tử về 3 cặp gen đang xét.
  - II.  $F_1$  có 2 loại kiểu gen quy định kiểu hình thân cao, hoa vàng.
  - III. Lấy ngẫu nhiên một cây thân thấp, hoa vàng ở  $F_1$ , xác suất lấy được cây thuần chủng là  $1/3$ .
  - IV. Lấy ngẫu nhiên một cây thân cao, hoa vàng ở  $F_1$ , xác suất lấy được cây dị hợp tử về 3 cặp gen là  $2/3$ .
- A. 2.                      B. 4.                      C. 1.                      D. 3.

----- HẾT -----

**Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !**

**Đáp Án Môn Sinh Mã đề: 401**

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				
	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				